CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 324/2026/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2026*

NGHỊ ĐỊNH
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về cấp ý kiến pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công số 20/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15 và Luật số 141/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về cấp ý kiến pháp lý.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về cấp ý kiến pháp lý

1. Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 Điều 2 như sau:

"4. Cơ quan, tổ chức có liên quan đến việc cấp ý kiến pháp lý (cơ quan, tổ chức liên quan) là:

a) Cơ quan chủ quản chương trình, dự án, phi dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi nước ngoài theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài trong trường hợp cấp ý kiến pháp lý cho đối tượng quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 5 Nghị định này;

b) Cơ quan cấp bảo lãnh Chính phủ trong trường hợp cấp ý kiến pháp lý cho đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này.".

2. Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 Điều 3 như sau:

"4. Ý kiến pháp lý được cấp trên cơ sở các giả định sau:

a) Văn bản được xem xét cấp ý kiến pháp lý đã được bên ký kết nước ngoài đàm phán, ký, phê chuẩn, phê duyệt, ban hành theo đúng quy định của bên ký kết nước ngoài;

b) Tất cả các văn bản, tài liệu liên quan đến văn bản được xem xét cấp ý kiến pháp lý đã được các bên liên quan ký, ban hành theo đúng quy định, các bản sao có hình thức và nội dung đúng với bản gốc;

c) Nội dung các thông tin, tài liệu cung cấp cho Bộ Tư pháp để cấp ý kiến pháp lý là đầy đủ, chính xác và trung thực;

d) Các giả định cụ thể khác tại ý kiến pháp lý.".

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

"**Điều 5. Đối tượng cấp ý kiến pháp lý**

Bộ Tư pháp xem xét cấp ý kiến pháp lý đối với:

1. Điều ước quốc tế về vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài.

2. Thỏa thuận vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài nhân danh Chính phủ.

3. Văn bản bảo lãnh Chính phủ cho các khoản vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh hoặc văn bản bảo lãnh Chính phủ cho khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh.

4. Thỏa thuận phát hành trái phiếu quốc tế của Chính phủ.

5. Các trường hợp đặc biệt khác theo phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.".

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

"**Điều 6. Cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu cấp ý kiến pháp lý**

1. Cơ quan nhà nước chủ trì đàm phán, ký đối với điều ước quốc tế về vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài hoặc thỏa thuận vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài nhân danh Chính phủ.

2. Tổ chức được bảo lãnh đối với văn bản bảo lãnh Chính phủ cho các khoản vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh hoặc đối với văn bản bảo lãnh Chính phủ cho khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh.

3. Cơ quan tổ chức phát hành trái phiếu quốc tế của Chính phủ.".

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

"**Điều 8. Từ chối cấp ý kiến pháp lý**

Bộ Tư pháp từ chối cấp ý kiến pháp lý đối với các trường hợp sau đây:

1. Hồ sơ yêu cầu cấp ý kiến pháp lý không đáp ứng điều kiện cấp theo quy định tại Điều 7 Nghị định này.

2. Hồ sơ yêu cầu cấp ý kiến pháp lý không đầy đủ thông tin, tài liệu theo quy định tại Điều 12 Nghị định này và không được bổ sung, chỉnh lý, làm rõ theo quy định tại khoản 2 Điều 13 hoặc Điều 14 Nghị định này.

3. Hồ sơ của cơ quan, tổ chức liên quan gửi theo quy định tại Điều 12a Nghị định này không đầy đủ thông tin, tài liệu hoặc không đáp ứng điều kiện theo yêu cầu tại Điều 19a Nghị định này.

4. Bên nước ngoài đề nghị đưa vào ý kiến pháp lý các nội dung vi phạm nguyên tắc cấp ý kiến pháp lý quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

5. Đối với các trường hợp tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ Tư pháp thông báo bằng văn bản về việc từ chối cấp ý kiến pháp lý cho cơ quan, tổ chức yêu cầu cấp ý kiến pháp lý và nêu rõ lý do từ chối cấp ý kiến pháp lý.".

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

"**Điều 11. Đề nghị cấp ý kiến pháp lý**

Sau khi văn bản được xem xét cấp ý kiến pháp lý đã được ký, phê duyệt hoặc phê chuẩn, cơ quan, tổ chức có nhu cầu gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp ý kiến pháp lý theo quy định tại Điều 12 Nghị định này đến Bộ Tư pháp. Hồ sơ được gửi bằng bản điện tử hoặc bản giấy. Trường hợp hồ sơ yêu cầu cấp ý kiến pháp lý có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước hoặc hệ thống thông tin chưa đáp ứng việc gửi, tiếp nhận bản điện tử hoặc trong thời gian hệ thống thông tin gặp sự cố thì hồ sơ được gửi bằng bản giấy.".

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

"**Điều 12. Hồ sơ yêu cầu cấp ý kiến pháp lý**

1. Hồ sơ yêu cầu cấp ý kiến pháp lý đối với các điều ước quốc tế về vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài gồm:

a) Công văn đề nghị Bộ Tư pháp cấp ý kiến pháp lý;

b) Điều ước quốc tế đã được ký;

c) Văn bản phê duyệt chủ trương đàm phán, ký điều ước quốc tế về vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài;

d) Văn bản ủy quyền đàm phán, ký điều ước quốc tế (nếu có);

đ) Phê duyệt của Chính phủ đối với điều ước quốc tế cấp Chính phủ hoặc phê chuẩn của Chủ tịch nước hoặc Quốc hội đối với điều ước quốc tế cấp Nhà nước, cấp Chính phủ (nếu có);

e) Ý kiến đánh giá của cơ quan, tổ chức yêu cầu cấp ý kiến pháp lý về tính hợp pháp của các văn bản được xem xét cấp ý kiến pháp lý;

g) Ý kiến đánh giá của cơ quan, tổ chức liên quan về tính hợp pháp của các văn bản được xem xét cấp ý kiến pháp lý và các tài liệu khác theo quy định tại khoản 1 Điều 12a Nghị định này. Trường hợp cơ quan, tổ chức yêu cầu cấp ý kiến pháp lý là cơ quan chủ quản chương trình, dự án, phi dự án sử dụng vốn

ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài thì hồ sơ không bao gồm ý kiến đánh giá của cơ quan, tổ chức liên quan về tính hợp pháp của các văn bản được xem xét cấp ý kiến pháp lý;

h) Bản dịch tiếng Việt của các tài liệu nêu trên trong trường hợp các tài liệu này được làm bằng tiếng nước ngoài.

2. Hồ sơ yêu cầu cấp ý kiến pháp lý đối với các thỏa thuận vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài nhân danh Chính phủ gồm:

a) Công văn đề nghị Bộ Tư pháp cấp ý kiến pháp lý;

b) Thỏa thuận vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài nhân danh Chính phủ đã được ký;

c) Phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ về việc ký thỏa thuận vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài nhân danh Chính phủ;

d) Ý kiến đánh giá của cơ quan, tổ chức yêu cầu cấp ý kiến pháp lý về tính hợp pháp của các văn bản được xem xét cấp ý kiến pháp lý;

đ) Ý kiến đánh giá của cơ quan, tổ chức liên quan về tính hợp pháp của các văn bản được xem xét cấp ý kiến pháp lý và các tài liệu khác theo quy định tại khoản 1 Điều 12a Nghị định này. Trường hợp cơ quan, tổ chức yêu cầu cấp ý kiến pháp lý là cơ quan chủ quản chương trình, dự án, phi dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài thì hồ sơ không bao gồm ý kiến đánh giá của cơ quan, tổ chức liên quan về tính hợp pháp của các văn bản được xem xét cấp ý kiến pháp lý;

e) Bản dịch tiếng Việt của các tài liệu nêu trên trong trường hợp các tài liệu này được làm bằng tiếng nước ngoài.

3. Hồ sơ yêu cầu cấp ý kiến pháp lý đối với văn bản bảo lãnh Chính phủ cho các khoản vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh hoặc văn bản bảo lãnh Chính phủ cho khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh gồm:

a) Công văn đề nghị Bộ Tư pháp cấp ý kiến pháp lý;

b) Ý kiến đánh giá của cơ quan, tổ chức yêu cầu cấp ý kiến pháp lý về tính hợp pháp của các văn bản được xem xét cấp ý kiến pháp lý;

c) Văn bản bảo lãnh Chính phủ;

d) Văn bản phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương bảo lãnh của Chính phủ;

đ) Các văn bản ủy quyền hoặc chứng minh thẩm quyền của người ký văn bản bảo lãnh;

e) Hợp đồng vay đã được ký hoặc Đề án phát hành trái phiếu đã được phê duyệt;

g) Ý kiến đánh giá của cơ quan, tổ chức liên quan về tính hợp pháp của các văn bản được xem xét cấp ý kiến pháp lý;

h) Bản dịch tiếng Việt của các tài liệu nêu trên trong trường hợp các tài liệu này được làm bằng tiếng nước ngoài.

4. Hồ sơ yêu cầu cấp ý kiến pháp lý đối với thỏa thuận phát hành trái phiếu quốc tế của Chính phủ gồm:

a) Công văn đề nghị Bộ Tư pháp cấp ý kiến pháp lý;

b) Thỏa thuận phát hành trái phiếu;

c) Đề án phát hành trái phiếu quốc tế, văn bản của Chính phủ phê duyệt Đề án phát hành trái phiếu quốc tế;

d) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phát hành trái phiếu quốc tế cho từng lần phát hành;

đ) Các văn bản ủy quyền hoặc chứng minh thẩm quyền của người ký thỏa thuận phát hành trái phiếu;

e) Ý kiến đánh giá của cơ quan, tổ chức yêu cầu cấp ý kiến pháp lý về tính hợp pháp của các văn bản được xem xét cấp ý kiến pháp lý;

g) Bản dịch tiếng Việt của các tài liệu nêu trên trong trường hợp các tài liệu này được làm bằng tiếng nước ngoài.

5. Hồ sơ yêu cầu cấp ý kiến pháp lý đối với các văn bản khác theo phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ gồm:

a) Công văn đề nghị Bộ Tư pháp cấp ý kiến pháp lý;

b) Văn bản được Bộ Tư pháp xem xét cấp ý kiến pháp lý;

c) Văn bản của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ phân công Bộ Tư pháp cấp ý kiến pháp lý;

d) Tài liệu chứng minh quá trình đàm phán, ký, ban hành văn bản được xem xét cấp ý kiến pháp lý đúng theo quy định của pháp luật;

đ) Văn bản ủy quyền về đàm phán, ký, ban hành văn bản được xem xét cấp ý kiến pháp lý theo quy định của pháp luật (nếu có);

e) Ý kiến đánh giá của cơ quan, tổ chức yêu cầu cấp ý kiến pháp lý về tính hợp pháp của các văn bản được xem xét cấp ý kiến pháp lý;

g) Các tài liệu khác cần thiết cho việc cấp ý kiến pháp lý;

h) Bản dịch tiếng Việt của các tài liệu nêu trên trong trường hợp các tài liệu này được làm bằng tiếng nước ngoài.

6. Ý kiến đánh giá của cơ quan, tổ chức yêu cầu cấp ý kiến pháp lý về tính hợp pháp của các văn bản được xem xét cấp ý kiến pháp lý cần cụ thể, chi tiết theo từng vấn đề pháp lý và nêu rõ sự phù hợp hoặc không phù hợp giữa nội dung của văn bản được xem xét cấp ý kiến pháp lý với điều, khoản, điểm tại các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam.".

8. Bổ sung Điều 12a vào sau Điều 12 như sau:

"**Điều 12a. Hồ sơ của cơ quan, tổ chức liên quan gửi cơ quan, tổ chức yêu cầu cấp ý kiến pháp lý**

1. Trường hợp cấp ý kiến pháp lý cho đối tượng quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 5 Nghị định này, hồ sơ của cơ quan, tổ chức liên quan gửi cơ quan, tổ chức yêu cầu cấp ý kiến pháp lý bao gồm:

a) Văn bản hoặc cam kết cung cấp vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài và các tài liệu liên quan (nếu có);

b) Văn bản đề xuất khoản vay, đề xuất dự án, quyết định phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án;

c) Ý kiến đánh giá về tính hợp pháp của văn bản được xem xét cấp ý kiến pháp lý.

2. Trường hợp cấp ý kiến pháp lý cho đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này, hồ sơ của cơ quan, tổ chức liên quan gửi cơ quan, tổ chức yêu cầu cấp ý kiến pháp lý bao gồm: Ý kiến đánh giá của cơ quan, tổ chức liên quan về tính hợp pháp của các văn bản được xem xét cấp ý kiến pháp lý.

3. Hồ sơ được gửi bằng bản điện tử hoặc bản giấy. Trường hợp hồ sơ có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước hoặc hệ thống thông tin chưa đáp ứng việc gửi, tiếp nhận bản điện tử hoặc trong thời gian hệ thống thông tin gặp sự cố thì hồ sơ được gửi bằng bản giấy.".

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

"**Điều 14. Chỉnh lý, làm rõ hồ sơ yêu cầu cấp ý kiến pháp lý**

1. Trường hợp phát hiện nội dung hồ sơ đề nghị cấp ý kiến pháp lý chưa phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm nộp hồ sơ, Bộ Tư pháp có Công văn đề nghị cơ quan, tổ chức yêu cầu cấp ý kiến pháp lý chỉnh lý hoặc làm rõ nội dung hồ sơ trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu cấp ý kiến pháp lý.

Trường hợp hồ sơ yêu cầu cấp ý kiến pháp lý có nội dung phức tạp, thời hạn Bộ Tư pháp có Công văn yêu cầu chỉnh lý hoặc làm rõ nội dung hồ sơ có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu cấp ý kiến pháp lý.

2. Cơ quan, tổ chức yêu cầu cấp ý kiến pháp lý có trách nhiệm nghiên cứu, làm rõ và chỉnh lý hồ sơ theo yêu cầu của Bộ Tư pháp trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bộ Tư pháp. Trường hợp cần kéo dài thời hạn phải có văn bản thông báo cho Bộ Tư pháp, giải trình rõ lý do và nêu rõ thời hạn hoàn thành việc chỉnh lý hồ sơ.".

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

"**Điều 19. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức yêu cầu cấp ý kiến pháp lý**

1. Yêu cầu cơ quan, tổ chức liên quan cung cấp hồ sơ theo quy định tại Điều 12a Nghị định này; chuẩn bị hồ sơ yêu cầu cấp ý kiến pháp lý đầy đủ theo quy định của Điều 12 Nghị định này.

2. Cung cấp cho Bộ Tư pháp đầy đủ, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến văn bản được xem xét cấp ý kiến pháp lý theo yêu cầu của Bộ Tư pháp theo quy định của Nghị định này.

3. Bảo đảm thời hạn gửi hồ sơ yêu cầu cấp ý kiến pháp lý theo quy định tại Nghị định này và yêu cầu của việc thực hiện điều ước quốc tế về vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài hoặc thỏa thuận vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài nhân danh Chính phủ.

4. Đảm bảo và chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp và tính xác thực của hồ sơ đề nghị cấp ý kiến pháp lý gửi đến Bộ Tư pháp.

5. Trường hợp cung cấp thông tin, tài liệu không chính xác, không đầy đủ, không hợp pháp hoặc không đảm bảo tính xác thực, cơ quan, tổ chức yêu cầu cấp ý kiến pháp lý phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về hậu quả của việc cung cấp thông tin đó.".

11. Bổ sung Điều 19a vào sau Điều 19 như sau:

"**Điều 19a. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức liên quan**

1. Lập và gửi đầy đủ, kịp thời hồ sơ theo quy định tại Điều 12a Nghị định này đến cơ quan, tổ chức yêu cầu cấp ý kiến pháp lý để cơ quan, tổ chức yêu cầu cấp ý kiến pháp lý tổng hợp, xây dựng hồ sơ đề nghị Bộ Tư pháp cấp ý kiến pháp lý theo quy định.

2. Giải trình, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của Bộ Tư pháp, cơ quan, tổ chức yêu cầu cấp ý kiến pháp lý.".

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2026.

2. Hồ sơ yêu cầu cấp ý kiến pháp lý hợp lệ được gửi đến Bộ Tư pháp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì việc cấp ý kiến pháp lý tiếp tục được thực hiện theo quy định của Nghị định số 51/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về cấp ý kiến pháp lý. Hồ sơ yêu cầu cấp ý kiến pháp lý chưa hợp lệ được gửi đến Bộ Tư pháp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì việc cấp ý kiến pháp lý được thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

3. Bên cho vay, nhà tài trợ nước ngoài có thể lựa chọn sử dụng dịch vụ pháp lý của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư để cung cấp ý kiến pháp lý theo quy định của pháp luật về luật sư thay cho việc lấy ý kiến pháp lý của Bộ Tư pháp, trừ trường hợp đối tượng cấp ý kiến pháp lý hoặc hồ sơ yêu cầu cấp ý kiến pháp lý có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, PL (2b). 14

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM

Lê Tiến Châu